TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 30-8-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: *Bà Nguyễn Linh Ngọc* - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Ngọc P, sinh năm 1982; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp L H, xã L Hg, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Ngọc P trình bày:

Chị và anh M chung sống với nhau vào năm 2002, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã L Hg, huyện Trảng Bàng. Vợ chồng có cuộc sống tự lập, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh M thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi

chị và đập phá đồ đạc trong nhà, anh M ghen tuông vô cớ. Chị bỏ về nhà mẹ chị sống và vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 4-2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh M nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Nay chị yêu cầu ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Văn B, sinh ngày 21-5-2004 đang theo sống với anh M. Khi ly hôn, con theo ai người đó nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng sống ly thân là do anh nghi ngờ chị P có tình cảm với người đàn ông khác. Trong thời gian ly thân, anh nhiều lần đến nhà mẹ chị P đón chị P về nhưng chị P không đồng ý. Hiện nay, anh không còn giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Nay anh yêu cầu đoàn tụ cùng chị P. Nếu Tòa xét xử cho ly hôn, anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Văn B, sinh ngày 21-5-2004 đang theo sống với anh. Khi ly hôn, con theo ai người đó nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Ngọc P đối với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 21-5-2004 cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Ngọc P không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Nguyễn Văn M không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh M chung sống với nhau vào năm 2002, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã L Hg, huyện Trảng Bàng. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi chị P, vợ chồng mất lòng tin với nhau về chuyện tình cảm. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 4-2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh M nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị P không đồng ý. Hiện tại, anh M trình bày anh không còn giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Qua đó, cho thấy khả năng đoàn tụ không còn. Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị P, anh M sinh sống. Kết quả thể hiện: Vợ chồng chị P, anh M nhiều lần xảy ra mâu thuẫn như chị P, anh M đã thừa nhận. Do những mâu thuẫn trên liên tục xảy ra nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Hôn nhân của chị P và anh M lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 21-5-2004 đang theo sống với anh M, cháu B có nguyện vọng theo sống với anh M. Chị P và anh M trình bày thống nhất con theo ai người đó nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Để ổn định cuộc sống và phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Hội đồng xét xử giao anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu B là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận anh M không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Ngọc P được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 21-5-2004.

Ghi nhận anh M không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016152 ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị P biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã L Hg;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Đững